TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2026
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, bà Đoàn Thị Chuyền.

- ***Thư ký phiên to***à: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Khương Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh ngày 28/12/1998;

Căn cước công dân số: 030198006228.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương); Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng:

Bà **Luân Thị N**, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 006194003090.

Nơi cư trú: Số A, ngõ B, phố T, phường H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Kim P**, sinh ngày 05/11/1998;

Căn cước công dân số: 030098003526.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương); Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Xuân H1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng

Kim P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã H, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, lối sống hai bên không phù hợp. Tháng 4/2024 anh P sang Nhật Bản lao động. Tháng 11/2025 chị cũng sang Nhật Bản lao động, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Kim P có 02 con chung là cháu Hoàng Kim N1, sinh ngày 01/8/2019 và cháu Hoàng Gia H2, sinh ngày 25/6/2022; hai cháu hiện đang ở với ông bà nội, chị và anh P thỏa thuận. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N1 và cháu H2 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh P đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không có mặt ở địa phương nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con nên anh chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu N1 và cháu H2 cho ông bà nội cháu là ông Hoàng Xuân H1 và bà Lê Thị D trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước. Chị H cấp dương tiền nuôi con chung với anh P 1.500.000 đồng/01con/01tháng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Hoàng Kim P tại Nhật Bản vì anh P không cho chị biết địa chỉ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân H1 là bố đẻ của anh Hoàng Kim P trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H trình bày. Anh Phát hiện đang lao động tại Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại bằng ứng dụng maseseger và zalo cho anh P biết về việc chị H xin ly hôn. Anh P không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể nên gia đình không cung cấp cho Tòa án được, anh P không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, anh P cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên qua điện thoại anh P có quan điểm như sau: Anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, chị H xin ly hôn anh P hoàn toàn nhất trí; Về con chung: Anh P xác định nội dung chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh P, chị H thỏa thuận: Anh chị đề nghị Toà án giao cháu N1 và cháu H2 cho anh P chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam, anh P nhờ bố mẹ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 và cháu H2 đến khi anh P về nước. Ông H1 đồng ý với ý kiến của anh P, chị H. Về tài sản chung, về nợ, về công sức: Anh P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng ông Phạm Văn L trình bày: Ông là bố đẻ của chị Phạm Thị H. Chị H và anh Hoàng Kim P được tự do tìm hiểu, tự nguyện, anh chị tự nguyện kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15/3/2019. Quá trình chung sống, chị H và anh P có nhiều mâu thuẫn. Tháng 04/2024 anh P sang Nhật Bản lao động, sau đó chị N1 bỏ về nhà ông ở. Tháng 11/2025 chị H cũng sang Nhật Bản lao động, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn anh P, ông đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Kim N1 và cháu Hoàng Gia H2, hai cháu hiện đang ở cùng với ông bà nội. Việc nuôi dưỡng con chung ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng chị H, anh P. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với địa phương ông Nguyễn Tiến K trình bày: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Kim P, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, nay là UBND xã H, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống anh chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Địa phương được biết chị H, anh Phát hiện đang ở nước ngoài nhưng không nắm được địa chỉ cụ thể của anh P, chị H. Nay, chị H xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, anh P.

Tại Công văn số 4568/XNC-Đ1 ngày 17/12/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H xác định: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 28/12/1998, Căn cước công dân số: 030198006228; Nơi thường trú: thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng. Đương sự xuất cảnh gần nhất ngày 14/11/2024 bằng hộ chiếu số E02151575 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N3, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Anh Hoàng Kim P, sinh ngày 05/11/1998, Căn cước công dân số: 030098003526; Nơi thường trú: thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng. Đương sự xuất cảnh gần nhất ngày 18/9/2025 bằng hộ chiếu số C3965360 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N3, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn chị Hoàng Kim P.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Kim N1, sinh ngày 01/8/2019 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 25/6/2022 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H là 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí số BLTU/25E/0006470 ngày 14/11/2025 đã nộp tại Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện, có xác nhận của Đ tại Nhật Bản, chị H xin ly hôn anh Hoàng Kim P là bị đơn; Nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản. Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ chị H không cung cấp được địa chỉ của anh P tại Nhật Bản, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng đã yêu cầu gia đình anh P cung cấp địa chỉ của anh P. Gia đình anh P xác định anh Phát hiện đang làm việc tại Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nên gia đình không cung cấp địa chỉ của anh P cho Tòa án được và xác định gia đình đã thông báo nội dung các văn bản đã nhận của Tòa án cho anh P biết. Anh P không có văn bản gửi về cho Tòa án nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm của anh P về vụ án. Do vậy áp dụng nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị H vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Kim P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã H, thành phố Hải Phòng ngày 15/3/2019. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị H, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H, anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Tháng 4/2024 anh P sang Nhật Bản lao động, tháng 11/2025 chị sang Nhật Bản lao động, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh P đã được gia đình thông báo về việc chị H xin ly hôn nhưng anh không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án và không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án nhưng thông qua gia đình anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, chị H xin ly hôn anh P hoàn toàn nhất trí. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hoàng Kim P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Hoàng Kim N1, sinh ngày 01/8/2019 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 25/6/2022, các cháu hiện đang ở cùng với ông bà N2 là ông Hoàng Xuân H1 là bố đẻ anh P, chị H và anh P thỏa thuận. Ly hôn chị đề nghị giao cháu N1 và cháu H2 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh P đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương Việt Nam nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và cháu H2, chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu N1, cháu H2 cho vợ chồng ông H1 là ông bà nội các cháu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước. Nguyện vọng của chị H phù hợp với nguyện vọng của anh P và ông H1 cũng nhất trí việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu N1, cháu H2 đến khi anh P về Việt Nam. HĐXX căn cứ vào nguyện vọng của chị H, anh P, ông H1 và điều kiện kinh tế, nơi cư trú, việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và môi trường sống ổn định để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu N1, cháu H2. Xét thấy việc giao cháu N1, cháu H2 cho anh P là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Do vậy, HĐXX giao con chung Hoàng Kim N1, sinh ngày 01/8/2019 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 25/6/2022 cho anh P trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam, HĐXX tạm giao cho ông Hoàng Xuân H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Kim N1 và cháu Hoàng Gia H2 cho đến khi anh P về nước. Chị Phạm Thị H trình bày, anh P nuôi 02 con chị có nghĩa

vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh P 1.500.000 đồng/01con/01 tháng. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không thấp hơn 1/2 lương tối thiểu vùng, Nghị định 74/2024/NĐ-CP và phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 thì mức lương tối thiểu vùng nơi đương sự đang cư trú là 3.860.000 đồng. Nên buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh P số tiền 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng. Cộng hai con là 4.000.000 đồng/01 tháng (*Bốn triệu đồng một tháng*) đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Anh P không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh P có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị H còn phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1,2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hoàng Kim P.

2. Về con chung: Xử giao con chung Hoàng Kim N1, sinh ngày 01/8/2019 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 25/6/2022 cho anh Hoàng Kim P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cho ông Hoàng Xuân H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Kim N1 và Hoàng Gia H2 cho đến khi anh P về nước và không phải chi phí nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng

tiền nuôi con chung với anh P số tiền 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng. Cộng 02 con là 4.000.000 đồng/01 tháng (*Bốn triệu đồng một tháng*), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 03/2026 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Hoàng Kim P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị Phạm Thị H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0006470 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H, bị đơn anh P đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Hải Hưng, thành phố Hải Phòng;
(để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 20 ngày 15/3/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến